| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**<br>TỈNH QUẢNG NGÃI | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **33**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30/8/2018
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Dũng;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Phùng Xuân Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2018/TLST-HNGĐ ngày 16/5/2018, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/8/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1983;
Nơi cư trú: KDC số 4, Thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.
- Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm 1981;
Nơi cư trú: KDC 13, TDP Q, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

******* *Tại đơn khởi kiện, biên bản phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:*

Tôi và ông Huỳnh Ngọc Đ trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu trước, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 25/10/2010. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã vì ông Đ ghen tuông vô cớ, suy nghĩ bệnh hoạn rồi có những hành động, lời lẽ xúc phạm danh dự tôi. Ngoài ra ông Đ còn đam mê cờ bạc, sống thiếu trách nhiệm với vợ con, tôi đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Đ không thay đổi, nhiều lần nóng giận lên thì đòi

giết vợ con. Xét thấy không được an toàn ngay trong nhà của chính mình và tình cảm không còn. Do đó tháng 01/2018 tôi đã đưa con ra ngoài thuê nhà sống riêng, trong thời gian ly thân tôi mong ông Đ suy nghĩ lại và thay đổi cách sống để con tôi có một gia đình trọn vẹn nhưng ông Đ vẫn chứng nào tật nấy nhiều lần nhắn tin, điện thoại đe dọa tính mạng và đến nơi tôi ở để chửi bới, xúc phạm làm ảnh hưởng đến tinh thần tôi. Đỉnh điểm là tối ngày 01/5/2018 sau khi cãi nhau ông Đ đã đập hư chiếc xe tôi đang đi. Sau sự việc này tôi vô cùng hoản sợ, ảnh hưởng đến sức khỏe và công việc. Từ đó tôi đã dọn về nhà mẹ đẻ tôi sống đến nay, hai vợ chồng không quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa.

Nay xét thấy không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông Huỳnh Ngọc Đ.

- Về con chung: có 01 con chung là Huỳnh Nguyễn Trung K, sinh ngày 25/02/2012. Hiện con chung đang sống cùng với tôi. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con và ông Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T trình bày không có.

****** *Bị đơn ông Huỳnh Ngọc Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.*

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát thành phố Quảng Ngãi về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi HĐXX nghị án; người tham gia tố tụng: đối với nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật (không đến Tòa).

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, khoản 2, 4 Điều 91, 144, 147, 227, 228 BLTTDS năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T: chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn anh Huỳnh Ngọc Đ.

Giao cháu Huỳnh Nguyễn Trung K, sinh ngày 25/02/2012 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng và anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 700.000 đồng kể từ tháng 9/2018 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị T trình bày không có.

Chị T phải nộp án phí ly hôn, anh Đ phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, sau khi đại diện VKSND thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bích T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết việc hôn nhân của bà. Theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Quảng Ngãi. Ông Huỳnh Ngọc Đ là bị đơn đã

được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Huỳnh Ngọc Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Huỳnh Ngọc Đ chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2010 tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Bà T và ông Đ trước khi tổ chức lễ cưới đã có thời gian tìm hiểu nhau và hoàn toàn tự nguyện đến với nhau, nhưng sau khi về chung sống một thời gian thì bà T cho rằng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cải vã, vợ chồng không có tiếng nói chung và ông Đ có hành động xúc phạm đến danh dự của bà và ghen tuông vô cớ, ngoài ra ông Đ còn cờ bạc, thiếu trách nhiệm với vợ con, gia đình, dù đã được gia đình hai bên động viên khuyên nhủ nhưng ông Đ cũng không thay đổi mà còn đe dọa đến tính mạng của bà nên bà không còn tình cảm với ông Đ. Do đó, tháng 1/2018 bà dẫn con ra ngoài thuê nhà ở riêng nhưng ông Đ vẫn tiếp tục nhắn tin, điện thoại đe dọa và đập phá xe máy của bà đang sử dụng nên bà xin được ly hôn với ông Đ vì vợ chồng sống không có hạnh phúc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhằm để các bên về đoàn tụ nhưng ông Đ đều không đến Tòa nên không tiến hành hòa giải được. Ông Đ cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà T.

Qua xác minh về nguyên nhân và mức độ mâu thuẫn của bà T và ông Đ tại nơi cư trú thì Hội phụ nữ và tổ dân phố cho biết: Bà T, ông Đ có mâu thuẫn và mức độ mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ vì trước nay bà T, ông Đ chưa lần nào có yêu cầu địa phương giải quyết mâu thuẫn, bà T xin ly hôn với ông Đ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay bà T, ông Đ phần ai nấy sống không có trách nhiệm, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn yêu thương nhau. Như vậy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung của bà T ông Đ không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xin ly hôn ông Đ là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi là phù hợp nên chấp nhận bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc Đ.

[3] Về nuôi con chung: Bà T và ông Đ có 1 con chung là cháu Huỳnh Nguyễn Trung K, sinh ngày 25/2/2012 hiện đang ở cùng với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi cháu K và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật. Xét bà T hiện nay có công việc làm ổn định có thu nhập, ông Đ không đến Tòa và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin nuôi con của bà T. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên chấp nhận yêu cầu của bà T giao cháu Huỳnh Nguyễn Trung K cho bà T được chăm sóc nuôi dưỡng và buộc ông Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 9/2018.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bích T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích T trình bày không có.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định của pháp luật, ông Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về quyền kháng cáo: bà Nguyễn Thị Bích T và ông Huỳnh Ngọc Đ được quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết sô 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Bích T và ông Huỳnh Ngọc Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Huỳnh Nguyễn Trung K, sinh ngày 25/2/2012 cho bà Nguyễn Thị Bích T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Huỳnh Ngọc Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 700.000 đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 9/2018.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị T đã nộp tại biên lai số AA/2016/0003202 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Ông Huỳnh Ngọc Đ phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bích T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Huỳnh Ngọc Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thành phố Quảng Ngãi;
- CC THADS TP Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Dũng**